



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP

CÔNG TY CUNG ỨNG NHIÊN LIỆU ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ

BẢN TIN THAN NGÀY

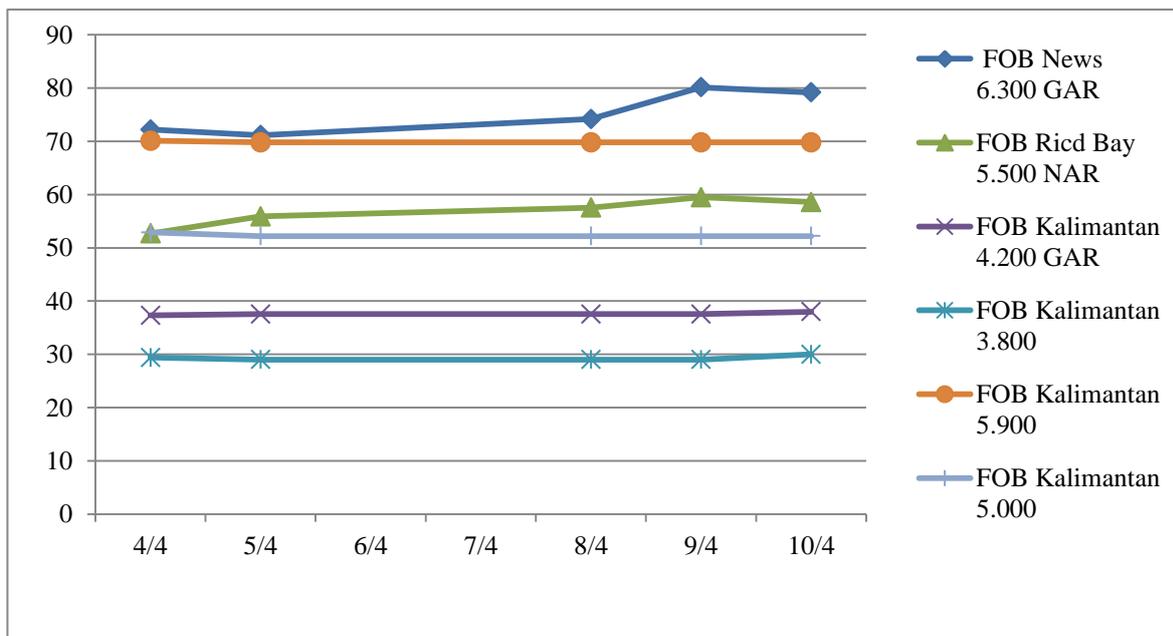
Ngày 25/4/2019

CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

| Chỉ số giá than | Theo chuyên | +/- | Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày | +/- |
|----------------------------|-------------|-------|-----------------------------------|-------|
| FOB Newcastle 6.300 GAR | 79,20 | -0,95 | N/A | N/A |
| FOB Newcastle 6.000 NAR | 85,60 | N/A | N/A | N/A |
| FOB Richards Bay 5.500 NAR | 58,60 | -0,90 | N/A | N/A |
| FOB Kalimantan 5.900 GAR | N/A | N/A | 69,80 | +0,00 |
| FOB Kalimantan 5.000 GAR | N/A | N/A | 52,20 | +0,00 |

| Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc | USD/tấn | +/- | NDT/tấn | +/- |
|--------------------------------------|---------|-------|---------|-------|
| PCC6 (CFR South China 3.800 NAR) | 44,50 | +0,40 | 297,76 | +2,96 |
| PCC7 (CFR South China 4.700 NAR) | 58,75 | -0,25 | 393,11 | -1,30 |
| PCC8 (CFR South China 5.500 NAR) | 65,00 | -0,80 | 434,93 | -4,93 |

GIÁ THEO CHUYÊN CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2019



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 10/4/2019)

ĐIỂM TIN

Indonesia đặt giá than nhiệt HBA tháng 4 ở mức 88,85 USD/tấn, giảm 1,90% so với tháng 3

Bộ Năng lượng và Khoáng sản của Indonesia đã đặt giá than nhiệt tham chiếu tháng 4, còn được biết đến với tên Harga Batubara Acuan (HBA), ở mức 88,85 USD/tấn, giảm 1,9% so với tháng 3 và giảm 6,2% so với cùng kỳ năm trước. Bộ đã đặt giá tháng 3 ở mức 90,57 USD/tấn, và tháng 4 năm 2018 là 94,75 USD/tấn. HBA là giá than trung bình hàng tháng dựa trên cơ sở 25% mỗi loại than Platts Kalimantan 5.900 kcal/kg GAR, Argus-Indonesia Coal Index 1 (6.500 kcal/kg GAR), Newcastle Export Index (6.322 kcal/kg GAR), và globalCOAL Newcastle (6.000 kcal/kg NAR).

Trong tháng 3, giá Platts FOB Kalimantan 5.900 kcal/kg GAR trung bình ngày đạt 71,83 USD/tấn, tăng từ 71,46 USD/tấn trong tháng 2. Trong khi giá trung bình 7-45 ngày theo Platts đánh giá loại than Newcastle 6.300 kcal/kg GAR điều kiện FOB đạt 89,35 USD/tấn, giảm từ 91,74 USD/tấn trong tháng 2. Giá HBA than nhiệt là cơ sở xác định giá 77 loại than và tính thuế cho nhà sản xuất trên mỗi tấn than được bán ra. Giá trên dựa trên than 6.322 kcal/kg GAR, độ ẩm 8%, độ tro 15% và lưu huỳnh 0,8%.

Kiểm soát nhập khẩu tại Trung Quốc kết hợp nhu cầu thấp ảnh hưởng đến giá than nhiệt Australia

Lượng than nhiệt xuất khẩu của Australia được dự đoán sẽ tăng trưởng khoảng 10% cho tới năm 2023-2024, tuy nhiên các quy định kiểm soát nhập khẩu của Trung Quốc và nhu cầu tại các thị trường quan trọng giảm tiếp tục tạo áp lực lên giá than nhiệt, thông tin từ báo cáo Tài Nguyên và Năng lượng Australia hàng quý phát hành trong tháng 3 vừa qua. Lượng than xuất khẩu từ Australia - nước xuất khẩu than nhiệt lớn thứ hai thế giới - đã đạt 203 triệu tấn trong giai đoạn 2017-2018, và được dự đoán sẽ tăng lên mức 225 triệu tấn tới năm 2023-2024. Báo cáo cho rằng sản lượng than tăng lên nhờ các mỏ mới và mở rộng, phục hồi sản xuất từ thời kỳ gián đoạn và cải tiến trong sản xuất.

Tuy nhiên, lợi nhuận từ xuất khẩu than được dự đoán sẽ giảm trong ngắn hạn xuống còn 20 tỉ AUD (tương đương 14,22 tỉ USD) tính tới năm 2023-2024, giảm từ 27 tỉ AUD trong năm 2018-2019 do khối lượng than xuất khẩu cao nhưng giá lại giảm. Giá than Newcastle 6000 kcal/kg NAR tham chiếu (NEWC) đạt mức trung bình 96 USD/tấn, điều kiện FOB trong tháng 3, giảm 3,4% và 2,6% so với quý và năm trước. “Giá NEWC đã liên tục giảm kể từ mức 120 USD/tấn hồi tháng 7 năm 2018, mức kỷ lục trong vòng bảy năm. Giá giảm phản ánh nhu cầu tại Trung Quốc thấp, do sản lượng than nội địa nước này phục hồi và các thay đổi về chính sách nhập khẩu có hiệu lực. Trong khi ở các nước còn lại trong khu vực Đông Á, thời tiết không quá lạnh trong mùa đông đã khiến nhu cầu điện để sưởi ấm giảm”.

Osaka Gas (Nhật Bản) rút khỏi dự án xây dựng NMNĐ

Osaka Co Ltd (Nhật Bản) hôm thứ 4 (24/4) cho biết sẽ rút khỏi dự án xây dựng NMNĐ mới tại Yamaguchi, phía Tây Nhật Bản, ghi nhận sự thay đổi trong thị trường điện và rủi ro kinh doanh trong tương lai. Osaka Gas đã lên kế hoạch xây dựng NMNĐ công suất 1,2 GW tại thành phố Ube tại Yamaguchi, dự kiến sẽ bắt đầu hoạt động thương mại vào năm 2026. Electric Power Development (J-Power) và Ube Industries Ltd sẽ tiếp tục là đối tác của dự án này.

J-Power cho biết, Ube Industries đã đồng ý tiếp tục xây dựng nhà máy, tuy nhiên họ sẽ hoãn quy trình về môi trường để thay đổi kế hoạch. Giám đốc điều hành J-Power, ông Hitoshi Kanno cho biết trong hợp báo: “Chúng tôi sẽ cân nhắc việc giảm quy mô dự án xuống còn một nhà máy công suất 600 MW áp dụng công nghệ siêu tới hạn (USC) hoặc xây dựng một tổ hợp các nhà máy khí hóa (IGCC) công suất 300 MW”. Mức phát thải khí carbon của nhà máy IGCC có thể thấp hơn tới 15% so với nhà máy USC, trong khi hiệu suất của nhà máy IGCC đạt gần 50%, cao hơn so với hầu hết các nhà máy USC, chỉ đạt 43-44 %, ông Kanno cho biết.

(Nguồn: www.spglobal.com)

CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

| Cỡ tàu | Điểm xuất phát | Điểm đến | Cước phí | Đơn vị: USD/tấn Thay đổi |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------|-----------------|-------------------------------------|
| Capesize (150.000 tấn) | Australia | Trung Quốc | 6,05 | +0,10 |
| | Queensland | Nhật Bản | 6,65 | +0,15 |
| | New South Wales | Hàn Quốc | 7,50 | +0,15 |
| Panamax (70.000 tấn) | Richards Bay | Tây Ấn Độ | 11,90 | +0,00 |
| | Kalimantan | Tây Ấn Độ | 6,15 | -0,10 |
| | Richards Bay | Đông Ấn Độ | 11,90 | +0,00 |
| | Kalimantan | Đông Ấn Độ | 6,15 | -0,10 |
| | Australia | Trung Quốc | 10,55 | +0,00 |
| Australia | Ấn Độ | 11,90 | +0,00 | |

(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 10/04/2019)